TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58 /2019/DS-PT
Ngày: 14- 3 - 2019
V/v tranh chấp yêu cầu phân chia di sản thừa kế theo di chúc và tặng cho tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Trung
Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Út
Ông Nguyễn Thành Lập

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyện là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2019/TLPT-DS ngày 11 tháng 01 năm 2019 về việc: Tranh chấp yêu cầu phân chia di sản thừa kế theo di chúc và tặng cho tài sản

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 114/2018/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 68 /2019/QĐ-PT ngày 18 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn T1, sinh năm 1952; (Có mặt)

Cư trú tại: Ấp Xóm Rẫy, xã Quách Phẩm, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T1: Ông Trần Hoàng Út, là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn H, sinh năm 1974; (Có mặt)

Cư trú tại: Ấp K, xã Q, huyện Đ, tỉnh C, .

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1932; (Xin vắng mặt)
2. Ông Lê Văn M, sinh năm 1953; (Có mặt)
3. Ông Lê Văn T2, sinh năm 1958 (Có mặt)
4. Ông Lê Đăng Kh, sinh năm 1960 (Có mặt)

5. Bà Lê Thu Đ1, sinh năm 1966; (Có mặt)

6. Ông Lê Văn Đ2; (Xin vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp K, xã Q, huyện Đ, tỉnh C, .

7. Bà Lê Thị Lời, sinh năm 1956; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã Q, huyện Đ, tỉnh C, . 8. Bà Lê Thanh X, sinh năm 1968; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã Q, huyện Đ, tỉnh C, .

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Văn H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lê Văn T1 trình bày:

Quá trình chung sống cụ Lê Văn Chh và cụ Nguyễn Thị G có với nhau 09 người con gồm: Lê Văn M, Lê Văn T2, Lê Đăng Kh, Lê Thu Đ1, Lê Thanh X, Lê Văn Đ2, Lê Văn H, Lê Thị Lời và Lê Văn T1.

- Về nguồn gốc đất: Vào trước năm 1993 cụ Lê Văn Chh và cụ Nguyễn Thị G có khai phá diện tích đất khoảng 20 công, đất tọa lạc tại ấp Kinh Ngang, xã Quách Phẩm Bắc, huyện Đầm Dơi, trong quá trình sử dụng đến năm 1993 cụ Lê Văn Chh được Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Lê Văn Ch, hiện giấy này do ông H giữ. Trong quá trình sử dụng đến ngày 27/12/2011âl cụ Chvà cụ G có lập di chúc với nội dung: Cho ông Lê Văn T1 vĩnh viễn một phần đất nuôi trồng thủy sản 05 công tầm lớn, hướng Đông giáp Lê Bảo Dân, hướng Tây giáp Lê Văn H, hướng Nam giáp kinh Thủy Lợi, hướng Bắc giáp Phạm Văn Sơn, một nền đất thổ cư ngang 10m, dài 45m và một phần đất nền mộ ngang 10m, dài 10m có Trưởng ấp là ông Phạm Hoàng Thơ ký xác nhận. Đến ngày 27/10/2012 cụ Lê Văn Chh qua đời còn cụ G đã già nên muốn tách quyền sử dụng đất do cụ Ch (Lê Văn Ch) đứng tên sang cho ông T1 đứng tên quyền sử dụng đất theo di chúc của cụ Ch và cụ G lập ngày 27/12/2011âl nhưng ông H cố tình chiếm giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ Chdẫn đến tranh chấp.

Từ những lý do nêu trên, ông T1 yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi giải quyết phân chia theo di chúc của cụ Chvà cụ G đã lập ngày 27/12/2011âl và biên bản họp gia đình ngày 20/10/2017, cụ thể ông T1 yêu cầu được hưởng: Một phần đất nuôi trồng thủy 05 công tầm lớn, theo đo đạc thực tế có tổng diện tích 6.681,2m^2, một phần đất thổ cư ngang 10m, dài 35m theo đo đạc thực tế ngang 09m dài 28,3m có tổng diện tích 254,6m^2, một phần đất nền mộ theo đo đạc thực tế có tổng diện tích 155,8m^2 (trong đó có lối đi từ vị trí mộ đến kinh Hai Vàng).

Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, ông T1 xác định đối với phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 6.681,2m^2 giữa ông H với ông đã thỏa thuận giao cho ông được hưởng nên ông yêu cầu Tòa án công nhận quyền sở hữu cho ông; đối với phần diện tích đất khu mộ 155,8m^2 giữa ông với ông H thống nhất thỏa thuận giao cho ông H được toàn quyền quản lý, sử dụng; còn lại phần đất thổ cư diện tích

254,6m^2 ông yêu cầu được hưởng theo di chúc của cụ Ch, cụ G đã lập ngày 27/12/2011âl và biên bản họp gia đình ngày 20/10/2017.

Bị đơn ông Lê Văn H trình bày: Đối với phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 6.681,2m^2 hiện tại do ông T1 quản lý sử dụng, phần đất này ông đồng ý giao cho ông T1 được hưởng theo yêu cầu ông T1 không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết; còn đối với phần diện tích đất khu mộ 155,8m^2 ông thống nhất theo yêu cầu của ông T1 giao cho ông được quản lý, sử dụng toàn bộ nên ông không có ý kiến gì khác; đối với phần đất nền nhà hiện tại do ông T1 đang quản lý, sử dụng có diện tích 254,6m^2 ông không đồng ý giao cho ông T1 được hưởng. Bõi lẽ, trong phần đất này sau khi ông đi chấp hành hình phạt tù về trong năm 2012 thì cụ Ch và cụ G có nói với ông là cho ông được quản lý, sử dụng khi cụ Chqua đời thì ông T1 phải giao lại cho ông được hưởng toàn bộ vì thời điểm này ông T1 đã có nhà cửa riêng, việc cụ Chvà cụ G nói không ai biết, không ai chứng kiến. Tuy nhiên, ông vẫn đồng ý để ông T1 được tiếp tục sử dụng nuôi cụ G, nhưng đến khi ông T1 qua đời thì phải giao lại cho ông được hưởng toàn bộ diện tích đất trên.

Đối với tờ di chúc cụ Ch, cụ G lập ngày 27/12/2011âl là không hợp pháp. Bõi lẽ, chữ ký trong tờ di chúc trên không phải của cụ Ch, còn chữ ký của cụ G là đúng. Đồng thời, ông yêu cầu Tòa án xem xét tính pháp lý của tờ di chúc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Đăng Kh, ông Lê Văn T2, bà Lê Thị Lời, bà Lê Thanh X và bà Lê Thu Đ1 thống nhất trình bày: Qua phần trình bày của ông T1, ông H các ông, bà có ý kiến như sau: Các ông, bà xác định đối với tờ di chúc cụ Ch, cụ G lập ngày 27/12/2011âl do cụ Ch, cụ G ký tên là đúng đó là toàn bộ nguyện vọng của cụ Chkhi còn sống vì thời điểm này ông T1 là người trực tiếp nuôi dưỡng cụ Chvà cụ G, nên các ông bà khẳng định đó là di chúc hợp pháp. Mặt khác, các ông bà hoàn toàn thống nhất giao cho ông T1 được hưởng phần đất nền nhà diện tích theo đo đạc 254,6m^2; đối với diện tích đất nuôi trồng thủy sản theo đo đạc 6.681,2m^2 giữa ông H và ông T1 đã tự thỏa thuận giao cho ông T1 quản lý, sử dụng là phù hợp di chúc của cụ Ch, cụ G lập ngày 27/12/2011âl nên các ông bà thống nhất và đối với diện tích đất khu mộ theo đo đạc 155,8m^2 giữa ông T1 và ông H đã tự thỏa thuận giao lại cho ông H quản lý, sử dụng mặc dù không phù hợp di chúc của cụ Ch, cụ G nhưng việc thỏa thuận đó là quyền định đoạt của ông T1 nên các ông, bà không có ý kiến khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 114/2018/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của ông Lê Văn T1.

- Ông Lê Văn T1 được hưởng phần đất thổ cư diện tích theo đo đạc 254,6m^2, có tứ cận:

+ Hướng Đông M11M12 kích thước 09m;

+ Hướng Tây M13M9 kích thước 09m;

+ Hướng Nam M12M13 kích thước 28,3m;

+ Hướng Bắc M9M10M11 kích thước 28,3m.

- Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Lê Văn H với ông Lê Văn T1. Giao cho ông Lê Văn T1 được hưởng phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 6.681.2m^2 là di sản thừa kế theo di chúc và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, có tứ cận:

+ Hướng Đông M19M20 kích thước 128m;

+ Hướng Tây M21M22M18 kích thước 119,63m;

+ Hướng Nam M20M21 kích thước 54,9m;

+ Hướng Bắc M18M19 kích thước 53,9m.

- Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Lê Văn T1 với ông Lê Văn H. Giao cho ông Lê Văn H được quản lý, sử dụng phần đất khu mộ (gồm nền mộ và lối đi) diện tích 155,8m^2, có tứ cận:

+ Hướng Đông M4M5 kích thước 08m;

+ Hướng Tây M8M1kích thước 02m và M2M3 kích thước 06m;

+ Hướng Nam M5M6M7M8 kích thước 47,8m;

+ Hướng Bắc M1M2 kích thước 37,8m và M3M4 kích thước 10m.

(có sơ đồ đo đạc kèm theo)

2. Các đương sự có trách nhiệm tự liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các phần đất được giao quản lý, sử dụng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên chi phí đo đạc, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14/12/2018, ông Lê Văn H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa án sơ thẩm xem xét giao lại phần đất diện tích 254.6m^2 giao cho ông được hưởng

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H thay đổi yêu cầu kháng cáo, ông H không yêu cầu giám định chữ ký của cụ Ch tại tờ di chúc, không yêu cầu ông T1 giao lại phần đất diện tích 254.6m^2 cho ông được hưởng. Chỉ yêu cầu ông T1 bồi thường thành quả lao động công bồi lắp bằng 20.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét nội dung tại đơn kháng cáo của ông Lê Văn H cho rằng di chúc mà cha mẹ ông Lập là không hợp pháp, chữ ký trên di chúc không phải là chữ ký của

cha ông. Phần đất 254.6m^2 khi còn sống cụ Ch có nói cho ông H do đó ông yêu cầu xem xét giao cho ông hưởng phần đất diện tích 254.6m^2, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Việc ông H cho rằng chữ ký của cụ Chkhông phải do cụ Chký là không có căn cứ. Bởi lẽ, ngoài lời trình bày của mình thì ông H không đưa ra chứng cứ gì để chứng minh . Hơn nữa theo lời trình bày của ông K, ông T2, bà X, bà Đ1, bà L cùng là các con cụ Chcũng đều khẳng định: di chúc lập ngày 27/12/2011âl là do cụ Ch, cụ G lập và ký tên; Tại thời điểm lập di chúc cụ Ch cụ G đều minh mẫn, nội dung di chúc đã thể hiện ý chí, nguyện vọng của cụ Chcụ G. Mặc khác di chúc do cụ Chvà cụ G lập ngày 27/12/2011âl có xác nhận của Trưởng ấp. Như vậy thấy rằng di chúc do cụ Chvà cụ G lập ngày 27/12/2011âl thỏa mãn các điều kiện được quy định tại khoản 1 Điều 652 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên di chúc hợp pháp.

[2] Đối với phần đất thổ cư diện tích 254,6m^2 ông H yêu cầu ông T1 giao lại cho ông được hưởng vì lúc còn sống cụ Chcó cho lại ông H. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc ông H không thống nhất giao 254,6m^2 cho ông T1 là trái tờ di chúc ngày 27/12/2011 âl của cụ Ch, cụ G và biên bản họp gia đình ngày 20/10/2017. Mặc dù cụ Chđã mất vào năm 2012 nhưng cụ G vẫn còn sống, phần đất thổ cư diện tích 254,6m^2 nằm trong quyền sử dụng đất của cụ Chđó là tài sản chung của cụ Chvà cụ G nên cụ G vẫn có quyền định đoạt. Nay cụ G có nguyện vọng tặng đất thổ cư cho ông T1, nguyện vọng cụ G cũng hoàn toàn phù hợp với nội dung di chúc. Ông H cho rằng cụ Chcó nói cho ông phần đất 254,6m^2 này nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh có việc cho đất này. Hiện ông T1 cũng như các anh chị em ông H như ông M, ông T2, ông Đ2, ông K, bà Đ1, bà X và bà L đều không thừa nhận việc cụ Chcó cho ông H phần đất nền nhà theo đo đạc thực tế 254,6m^2 như ông H trình bày. Do đó, không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của ông H, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông T1 được hưởng phần đất nền nhà 254,6m^2 theo di chúc là có căn cứ.

[3] Đối với diện tích nuôi trồng thủy sản 6.681,2m^2 đã thỏa thuận giao cho ông T1 được hưởng. Đối với phần diện tích đất khu mộ 155,8m^2 đã thỏa giao cho ông H được hưởng. Việc thỏa thuận giữa ông H và ông T1 là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, nên cấp sơ thẩm công nhận công nhận sự thỏa thuận này là phù hợp.

[4] Tại phiên tòa ông H thay đổi nội dung đơn kháng cáo, cụ thể ông H chỉ yêu cầu ông T1 bồi thường thành quả lao động công bồi lắp trên phần đất diện tích 254,6m^2 ông T1 được nhận bằng 20.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc ông H có thay đổi yêu cầu kháng cáo, không yêu cầu giám định chữ ký của ông Chính tại tờ di chúc, không yêu cầu ông T1 giao lại phần đất diện tích 254,6m^2 cho ông H là sự tự nguyện của ông H. Tuy nhiên việc ông H yêu cầu ông T1 bồi thường thành quả lao động công bồi lắp trên phần đất diện tích 254,6m^2 ông T1 được nhận bằng 20.000.000 đồng, nhưng tại cấp sơ thẩm ông H không phản tố đặt ra yêu cầu này, nên cấp sơ thẩm không giải quyết. Tại phiên tòa phúc thẩm ông H yêu cầu ông T1 bồi thường 20.000.000 đồng thành quả lao động công bồi lắp là vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu, do vậy cấp phúc thẩm không có cơ sở để

xem xét yêu cầu kháng cáo nội dung này của ông H. Nếu sau này giữa ông H với ông T1 không thỏa thuận được về thành quả lao động công bồi lắp thì được khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[5] Án phí: Ông Lê Văn T1 thuộc diện người cao tuổi, hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí nên ông T1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Ông Lê Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 545.300 đồng (155,8m^2 x 70.000 đồng/m^2 x 5%)

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Lê Văn T1 và ông Lê Văn H phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo tỷ lệ đối với phần di sản được hưởng.

[6] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng ông Lê Văn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm ông H phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn H

Giữ bản án dân sự sơ thẩm số 114/2018/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi

1. Chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của ông Lê Văn T1.

- Ông Lê Văn T1 được hưởng phần đất thổ cư diện tích theo đo đạc 254,6m^2, có tứ cận:

+ Hướng Đông M11M12 kích thước 09m;

+ Hướng Tây M13M9 kích thước 09m;

+ Hướng Nam M12M13 kích thước 28,3m;

+ Hướng Bắc M9M10M11 kích thước 28,3m.

- Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Lê Văn H với ông Lê Văn T1. Giao cho ông Lê Văn T1 được hưởng phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 6.681.2m^2 là di sản thừa kế theo di chúc và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, có tứ cận:

+ Hướng Đông M19M20 kích thước 128m;

+ Hướng Tây M21M22M18 kích thước 119,63m;

+ Hướng Nam M20M21 kích thước 54,9m;

+ Hướng Bắc M18M19 kích thước 53,9m.

- Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Lê Văn T1 với ông Lê Văn H. Giao cho ông Lê Văn H được quản lý, sử dụng phần đất khu mộ (gồm nền mộ và lối đi) diện tích 155,8m^2, có tứ cận:

+ Hướng Đông M4M5 kích thước 08m;

+ Hướng Tây M8M1kích thước 02m và M2M3 kích thước 06m;

+ Hướng Nam M5M6M7M8 kích thước 47,8m;

+ Hướng Bắc M1M2 kích thước 37,8m và M3M4 kích thước 10m.

(có sơ đồ đo đạc kèm theo)

2. Các đương sự có trách nhiệm tự liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các phần đất được giao quản lý, sử dụng.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản 4.000.000đ: Ông Lê Văn T1 phải chịu 3.791.000 đồng, ông Lê Văn H phải chịu 209.000 đồng. Ngày 15/6/2018 ông T1 đã nộp tạm ứng 4.000.000 đồng buộc ông Lê Văn H phải nộp số tiền 209.000 đồng (hai trăm lẻ chín nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, để hoàn lại cho ông T1.

Kể từ ngày ông T1 có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nếu như ông H chưa thi hành xong số tiền phải thi hành án thì phải chịu thêm phần lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thi hành án.

4. Về án phí sơ thẩm: Ông Lê Văn T1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Ông Lê Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 545.300 đồng (năm trăm bốn mươi lăm nghìn ba trăm đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm Ông Lê Văn H phải chịu 300.000đ. Ngày 14/02/2018 ông H đã dự nộp theo biên lai thu số 0008837 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đầm Dơi được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thành Lập - Huỳnh Văn Út **Phạm Việt Trung**